

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày 21 - 01 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Ngọc Phan

Bà Lê Thị Dệt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Hà Đức Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 80/2024/TLST - HS ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh năm 1983 tại: xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038083042244; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Th (đã chết) và bà Đới Thị Ch (đã chết); có vợ thứ nhất: Phạm Thị H (đã ly hôn); vợ thứ hai: Đỗ Thị T; có 2 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/9/2024 đến ngày 05/10/2024 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nông Công; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Nguyễn Thế L, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã B1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

+ Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

+ Anh Tô Văn M, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T1, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Nho Ng1, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã B1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

+ Bà Bùi Thị T2, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Lê Văn H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TC, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 00 phút, ngày 26/09/2024, Đội Cảnh sát ĐTTP về Hình sự - Kinh tế - Ma túy, Công an huyện Nông Công phối hợp với Công an xã C tuần tra kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn phát hiện Nguyễn Thế L, sinh năm 1991, trú tại thôn B, xã B1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa có dấu hiệu tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác kiểm tra và thu giữ trong người Nguyễn Thế L 01 túi nilon màu trắng, bên trong đựng chất màu trắng dạng tinh thể. L khai nhận túi nilon đựng chất tinh thể màu trắng là ma túy đá mua của Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1985, trú tại thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa để sử dụng.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Thế L, ngày 26/09/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nông Công tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1985, trú tại Thôn S, xã C, huyện N. Đồng thời, triệu tập Nguyễn Văn Ng để xác minh, làm rõ. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Văn Ng đã xin đầu thú và khai báo rõ nguồn gốc gói ma túy đã đưa cho Nguyễn Thế L là Ng mua của Lê Văn T, sinh năm 1983, trú tại Thôn K, xã L, huyện N với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và sau khi đưa cho L thì được L trả công 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Mở rộng điều tra, tiến hành triệu tập Lê Văn T để làm việc. Tại cơ quan điều tra, nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, T đã xin đầu thú và khai báo rõ hành vi phạm tội của mình.

Cụ thể vào sáng ngày 26/9/2024, Nguyễn Văn Ng đang ở nhà thì Nguyễn Thế L gọi điện cho Ng để hỏi mua ma túy nhưng Ng trả lời để liên hệ xem có mua được hay không rồi sẽ gọi lại. Sau đó, Nguyễn Văn Ng gọi điện vào số điện thoại 0989184855 của Lê Văn T hỏi mua ma túy nhưng T trả lời “Không có”. Đến khoảng 9 giờ cùng ngày, có người đàn ông tên P, không rõ nhân thân, lai lịch, là người quen của T khi đi làm cùng ngoài Hà Nội bảo với T (lúc này, T đến nhà Lê Văn H ở thôn TC, xã C, huyện N thì đã thấy P ở đây) là: “Có gói ma túy đó, có bán cho Ng thì gọi nó lên mà lấy”. Nên đến khoảng 9 giờ 30 phút, P lấy điện thoại của T gọi cho Ng và bảo “Có hàng rồi, lấy thì lên lấy” (tức có ma túy rồi lên mà lấy). Nên Nguyễn Văn Ng gọi lại cho Nguyễn Thế L nói là có “hàng” (tức có ma túy rồi). Đồng thời thống nhất với L sẽ mua cho L 500.000đ

(Năm trăm nghìn đồng) ma túy đá và L trả công cho Ng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Sau đó, L đi ra cửa hàng chuyển tiền ở thị trấn Nông Công đưa tiền mặt và nhờ chuyển tiền vào số tài khoản 0961626561 ngân hàng MB Bank của Nguyễn Văn Ng số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng để nhờ Ng mua ma túy.

Lúc này tại nhà Lê Văn H, người đàn ông tên P đưa cho Lê Văn T 01 (Một) gói ma túy, loại ma túy đá và bảo “Cầm lấy, tí bán cho Ngọc rồi lấy 500.000đ”. Một lúc sau, Ngọc đi đến nhà Lê Văn H, sinh năm 1981, trú tại thôn TC, xã C, huyện N gặp Lê Văn T và người đàn ông tên P. T đưa mã QR số tài khoản 26888167 thuộc Ngân hàng TMCP Á Châu mang tên “Lê Văn T” để Ng sử dụng số tài khoản 0961626561 thuộc ngân hàng Quân đội mang tên “Nguyễn Văn Ng” quét mã QR chuyển cho T 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Sau khi nhận tiền, Lê Văn T đưa cho Ng 01 gói ma túy đá mà người đàn ông tên P đã đưa cho T trước đó. Sau khi Ng về, P dùng điện thoại của T chuyển vào tài khoản Game của P 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy đá, Lê Văn Ng đi về nhà gọi điện cho Nguyễn Thế L thông báo đã mua được ma túy và bảo L đến nhà mình lấy ma túy. Lúc này, L gọi điện cho Nguyễn Nho Ng1, sinh năm 1991, ở thôn B, xã B1, huyện N nhờ Ng1 chở lên nhà Ng. Sau khi lấy được ma túy, trên đường đi về để tìm chỗ sử dụng, Nguyễn Thế L bị tổ công tác Công an huyện Nông Công kiểm tra, thu giữ 01 gói ma túy đá.

Ngoài ra, quá trình điều tra mở rộng vụ án, từ kết quả test nước tiểu của Nguyễn Thế L ngày 26/9/2024 dương tính với ma túy loại: Methamphetamine. Qua đấu tranh, L khai nhận vào ngày 24/9/2024, L có nhờ Tô Văn M mua hộ ma túy để sử dụng. Ngày 26/09/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Công đã triệu tập làm việc với Tô Văn M, sinh năm 1996, trú tại Thôn LT, xã L, huyện N. Tại Cơ quan điều tra, Tô Văn M đã xin đầu thú và khai báo như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 24/09/2024, khi M đang ở nhà thì Nguyễn Thế L sử dụng tài khoản Facebook “Thế L” gọi vào tài khoản Facebook “Tô Bảo M” của M bảo lấy cho L 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) ma túy đá thì M đồng ý. Sau đó, Tô Văn M gọi điện cho Lê Văn H thì H không nghe máy. M tiếp tục gọi cho Lê Văn T (em trai H) ở thôn TK, xã L, huyện N thì T báo đang đi công việc, lúc nữa mới về nhà H. Khoảng 20 phút sau, khi Lê Văn T về đến nhà H thì M và L đến nhà. Trước khi vào nhà H, L đưa cho M 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) để nhờ M mua ma túy. Khi M gặp được H ở bếp nhà H (lúc này chỉ có M và H) thì H nói chỉ còn ma túy đá loại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), không còn loại 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) nên M đưa cho H 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), H đưa cho M 01 (Một) gói ma túy, dạng đá. M cầm gói ma túy đá vừa mua được của H quay ra đưa lại cho L (lúc này L đang đứng ngoài sân nên không thấy được việc H bán ma túy cho M), đồng thời trả lại cho L 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền thừa, còn để lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), là tiền L trả công cho M. Sau đó, Tô Văn M đi về nhà, còn L mang gói ma túy đá đi tìm chỗ để sử dụng.

Quá trình điều tra, Lê Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, Cơ quan điều tra thu giữ các đồ vật, tài liệu sau:

- 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, máy đã qua sử dụng và 01 (Một) xe máy nhãn hiệu CUBTHAILAND, màu xanh, BKS: 36AA-048.92 thu giữ của Nguyễn Văn Ng.

- 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đỏ, máy đã qua sử dụng, thu giữ của Lê Văn T

- 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, máy đã qua sử dụng và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ của Tô Văn M.

- 01 (Một) túi nilong, loại trong suốt, hình vuông, kích thước 2,5cm x 2,5cm, bên trong đựng bột màu trắng đục (được niêm phong dán kín, ký hiệu M1).

- Ngày 30/9/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 884/QĐ - ĐCSKT - MT trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định đối với mẫu vật thu giữ được (được đựng trong phong bì niêm phong ký hiệu M1) có phải là ma túy không? Chất ma túy gì? Khối lượng bao nhiêu?

Tại Kết luận giám định số 3628/KL - KTHS ngày 02/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chất rắn dạng cục vụn tinh thể màu trắng của phong bì ký hiệu M1 niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,048g (Không phải không bốn tám gam) loại Methamphetamine.

- Đối với Nguyễn Thế L đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,048gam ma túy loại Methamphetamine mục đích để sử dụng vào ngày 26/09/2024. Nguyễn Thế L chưa có tiền án, tiền sự nên hành vi của Nguyễn Thế L chưa đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, Công an huyện Nông Cống đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thế L về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ - CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

- Ngoài ra, Nguyễn Thế L còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị phát hiện vào ngày 26/09/2024. Căn cứ vào kết quả xét nghiệm nước tiểu của Nguyễn Thế L, dương tính với ma túy loại: Methamphetamine, Công an huyện Nông Cống đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thế L về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ - CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

- Đối với Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1985, trú tại Thôn S, xã C, huyện N, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra nhận thấy, hành vi mua hộ ma túy cho Nguyễn Thế L vào ngày 26/09/2024 để được hưởng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền công của Ng không cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên, Nguyễn Văn Ng phải chịu trách nhiệm đối với 0,048gam ma túy loại Methamphetamine mà Cơ quan công an thu giữ của Nguyễn Thế L. Do đó, Công an huyện Nông Cống đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với

Nguyễn Văn Ng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ - CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

- Đối với Lê Văn H, sinh năm 1981, trú tại Thôn TC, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa là người mà Tô Văn M khai nhận bán ma túy cho mình vào ngày 24/9/2024. Quá trình điều tra, Lê Văn H không thừa nhận hành vi bán ma túy cho Tô Văn M, nhận thấy, chỉ có lời khai duy nhất của Tô Văn M, ma túy không thu giữ được, không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên không đủ căn cứ để xử lý đối với Lê Văn H.

- Đối với người đàn ông tên P, là người có mặt tại nhà Lê Văn H vào ngày 26/09/2024. Căn cứ vào lời khai của Lê Văn H và các đối tượng liên quan trong vụ án thì không ai biết số điện thoại hay địa chỉ liên hệ của P, qua sao kê ngân hàng của Lê Văn T đối với giao dịch P dùng điện thoại của T chuyển 300.000đ vào tài khoản Game với nội dung “## UBS66F4DE2BB859D91-260924-11:09:05 713692”, nên không đủ căn cứ để xác định được họ tên, địa chỉ và con người cụ thể. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xử lý sau.

- Đối với Tô Văn M, sinh năm 1996, trú tại thôn LT, xã L, huyện N. Quá trình điều tra nhận thấy, hành vi mua hộ ma túy cho Nguyễn Thế L vào ngày 24/09/2024, để được hưởng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền công của Tô Văn M không cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Đối với Nguyễn Nho Ng1 không biết việc Liêm rủ mình đi đến nhà Ng để lấy ma túy nên không có căn cứ xử lý.

- Vật chứng của vụ án:

+ Đối với xe máy nhãn hiệu CUBTHAILAND, màu xanh, BKS: 36AA-048.92 thu giữ của Nguyễn Văn Ng. Qua điều tra, xác minh là xe của bà Bùi Thị T4, sinh năm 1957 (là mẹ của Nguyễn Văn Ng) cho Ng mượn vào sáng ngày 26/09/2024, sau đó, Ng sử dụng xe máy đi đâu, làm gì bà T4 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T4 quản lý và sử dụng.

+ Đối với 01 (Một) phong bì niêm phong mẫu vật sau giám định, do Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành. Được dán kín niêm phong bởi các chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên Lại Thị Thanh Loan, Lê Minh Tiến, Nguyễn Thị Quyên và các dấu tròn của Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, máy đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn Ng; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đỏ, máy đã qua sử dụng thu giữ của Lê Văn T; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, máy đã qua sử dụng và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ của Tô Văn M. Quá trình điều tra xác định, đây là các đồ vật, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án của Lê Văn T nên đã chuyển từ kho vật chứng của Công an huyện Nông Cống sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống bảo quản, chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKSNC ngày 30/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Lê Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự (Viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS xử phạt Lê Văn T mức án tù từ 27 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/9/2024; về hình phạt bổ sung: Đề nghị xử phạt bị cáo từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ sung vào ngân sách nhà nước; về vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, máy đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn Ng; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đỏ, máy đã qua sử dụng thu giữ của Lê Văn T; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, máy đã qua sử dụng và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ của Tô Văn M; truy thu sung vào ngân sách nhà nước từ bị cáo số tiền 200.000đ là tiền có được do phạm tội mà có; truy thu sung vào ngân sách nhà nước từ Nguyễn Văn Ng số tiền 200.000đ là tiền công mua ma túy do Nguyễn Thế L trả cho Nguyễn Văn Ng; tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người có thẩm quyền trong cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trước đây bị cáo đã khai nhận tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu được, kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ căn cứ chứng minh: Vào ngày 26/9/2024, tại nhà của Lê Văn H, sinh năm 1981, địa chỉ: thôn TC, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, Lê Văn T đã có hành vi bán trái phép 0,048g (Không phải không bốn tám gam) loại Methamphetamin cho Vũ Văn Ng, sinh năm 1985, trú tại: Thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa với số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Đủ cơ sở để HĐXX khẳng định hành vi của bị cáo Lê Văn T đã cấu thành tội “Mua bán trái

phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Đây là vụ án thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo Lê Văn T bán ma túy nhằm mục đích lợi nhuận là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Tệ nạn ma túy ảnh hưởng đến sự phát triển và sức khỏe của con người, làm suy kiệt đến kinh tế gia đình và là nguyên nhân gây ra các tội phạm khác. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo HĐXX xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng. Áp dụng Điều 38 BLHS cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đưa bị cáo vào môi trường lao động, giáo dục, học tập nghiêm khắc theo quy chế trại giam để cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo bán trái phép chất ma túy nhằm mục đích lợi nhuận nên áp dụng khoản 5 Điều 251 BLHS, phạt bổ sung đối với bị cáo một số tiền để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS truy thu từ bị cáo sung vào ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là tiền Nguyễn Văn Ng có được do Nguyễn Thế L trả công mua ma túy nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS truy thu từ Nguyễn Văn Ng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền Tô Văn M có được do Nguyễn Thế L trả công mua ma túy nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, máy đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn Ng; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đỏ, máy đã qua sử dụng thu giữ của Lê Văn T và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, máy đã qua sử dụng thu giữ của Tô Văn M là các công cụ phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- 01 Phong bì niêm phong bên trong đựng mẫu vật hoàn trả lại sau giám định là vật nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251 BLHS:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội”Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS:

Xử phạt: Lê Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (26/9/2024).

Phạt bổ sung Lê Văn T 5.000.000đ (Năm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước từ bị cáo Lê Văn T số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo do phạm tội mà có.

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước từ Nguyễn Văn Ng số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) do Nguyễn Thế L trả công mua ma túy mà có.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước từ Tô Văn M số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) do Nguyễn Thế L trả công mua ma túy mà có.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, máy đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn Ng; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đỏ, máy đã qua sử dụng thu giữ của Lê Văn T và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, máy đã qua sử dụng thu giữ của Tô Văn M.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 Phong bì niêm phong bên trong đựng mẫu vật hoàn trả lại sau giám định.

Vật chứng của vụ án được mô tả như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Nông Cống và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống lập ngày 31/12/2024.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

